

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)



Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

24	Phòng Giáo dục - Đào tạo	6.427	6.427																
25	Ban Quản lý ĐTXD TX	6.623	3.150																
26	Trung tâm Bồi dưỡng - chính trị	1.309	1.309					1.073	2.400										
27	Trung tâm GDNN-GDTX	1.509	1.509						0										
28	Trường TC KTKT đồng Gia Lai	180	180						0										
29	Phòng y tế - (Y tế thôn bản)	164							0										
30	Hội chữ thập đỏ	292				164			0										
31	Trung tâm DS&KHH gia đình	1.218				292			0										
32	Đài Truyền thanh - Truyền hình	1.945				1.218			0										
33	Công an	460						1.945	0										
34	Thị đội	2.347						45	0									415	
35	Văn phòng Thị ủy	7.431							0									2.347	
36	Ủy ban Mặt trận TQVN	1.855							0										
37	Hội Phụ nữ	647							0										
38	Thị Đoàn	901							0										
39	Hội Nông dân	816							0										
40	Hội Cựu chiến binh	410							0										
41	Văn phòng HĐND-UBND	4.296							0										
42	Hội đồng nhân dân	1.057							0										
43	Phòng Tài chính-KH	1.033							0										
44	Phòng Văn hóa thông tin	2.989							0										
45	Phòng Tài nguyên & MT	1.059							0										
46	Phòng Giáo dục - Đào tạo	763							0										
47	Phòng Kinh tế	2.305							0										
48	Thanh tra thị xã	716				410			0										
49	Phòng Lao động TB&XH	6.941							987										
50	Phòng Tư pháp	490							0										
51	Phòng Quản lý đô thị	503							0										
52	Phòng Nội vụ	2.354							0										
53	Phòng Y tế	340							0										
54	Phòng dân tộc	610							0										
55	Ban đại diện người cao tuổi	63							87										
56	Câu lạc bộ VH nghệ thuật	63							0										
57	Hội nạn nhân CDDC/Dioxin	63							0										
58	Hội bảo trợ TT&TMC	63							0										
59	Hội Cựu tù CT yếu nước	63							0										
60	Hội khuyến học	63							0										
61	Ban Liên lạc NN HĐKC	63							0										
62	Hội Cựu giáo chức	14							0										
63	Hội Đông y	24							0										
64	Hội Cựu TN xung phong	34							0										
65	Trạm Khuyến nông	605							0										
66	Đội Công trình đô thị	10.136							605										
								2.906	7.230										

A	B		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14
67	Phòng Quản lý đô thị		1.693													
68	BCĐ Thi hành án dân sự TX		9							1.693						
69	Hạt Kiểm Lâm		25							0						9
70	Công an thị xã		25							0						25
71	Trạm Thú y		60							0						25
72	Ngân hàng Chính sách XH TX		500							0						60
73	Nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu		4.653	4267						0						500
74	Chi cho các nhiệm vụ, nhiệm vụ cần thiết, đột xuất, phát sinh	8.762	2.400							3.482					383	2.880

Ước

